

BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 1- LỚP 6

BÀI 4: ĐO CHIỀU DÀI

Câu 1. Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

- A. đêximét (dm). B. mét (m). C. Cenntimét (cm). D. milimét (mm).

Câu 2. Giới hạn đo của một thước là

- A. Chiều dài lớn nhất ghi trên thước.
B. Chiều dài nhỏ nhất ghi trên thước.
C. Chiều dài giữa hai vạch liên tiếp trên thước.
D. Chiều dài giữa hai vạch chia nhỏ nhất trên thước.

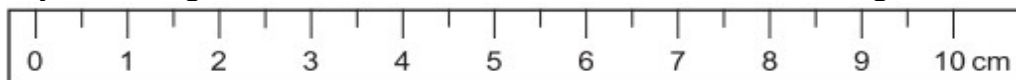
Câu 3. Độ chia nhỏ nhất của thước là

- A. giá trị cuối cùng ghi trên thước, B. giá trị nhỏ nhất ghi trên thước.
C chiều dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước. D. Cả 3 đáp án trên đều sai.

Câu 4. Thước thích hợp để đo bề dày quyển sách Khoa học tự nhiên 6 là

- A. thước kẻ có giới hạn đo 10 cm và độ chia nhỏ nhất 1 mm.
B. thước dây có giới hạn đo 1 m và độ chia nhỏ nhất 1 cm,
C thước cuộn có giới hạn đo 3 m và độ chia nhỏ nhất 5 cm.
D. thước thẳng có giới hạn đo 1,5 m và độ chia nhỏ nhất 1 cm,

Câu 5. Hãy cho biết giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước kẻ trong hình sau:



- A. Giới hạn đo là 10 cm và độ chia nhỏ nhất là 1 mm.
B. Giới hạn đo là 10 cm và độ chia nhỏ nhất là 1 cm.
C. Giới hạn đo là 10 mm và độ chia nhỏ nhất là 1 mm.
D. Giới hạn đo là 10 cm và độ chia nhỏ nhất là 0.5 cm.

Câu 6. Trước khi đo chiều dài của vật ta thường ước lượng chiều dài của vật để

- A. lựa chọn thước đo phù hợp. B. đặt mắt đúng cách.
C. đọc kết quả đo chính xác. D. đặt vật đo đúng cách.

Câu 7. Lựa chọn thước đo phù hợp với việc đo chiều dài của các vật sau:

Các loại thước đo Vật cần đo	Thước thẳng có GHĐ 1 m và ĐCNN 1 cm	Thước kẻ có GHĐ 30 cm và ĐCNN 1 mm	Thước dây có GHĐ 3 m và ĐCNN 1 cm
Chiều dài bàn học ở lớp			
Đường kính của miệng cốc			
Chiều dài của lớp học			

Câu 8. Ba bạn Na, Nam, Lam cùng đo chiều cao của bạn Hùng. Các bạn đề nghị Hùng đứng sát vào tường, dùng 1 thước kẻ đặt ngang đầu Hùng để đánh dấu chiều cao của Hùng vào tường. Sau đó, dùng thước cuộn có giới hạn đo 2 m và độ chia nhỏ nhất 0,5 cm để đo chiều cao từ mặt sàn đến chỗ đánh dấu trên tường. Kết quả đo được Na, Nam, Lam ghi lần lượt là: 165,3 cm; 165,5 cm và 166,7 cm. Kết quả của bạn nào được ghi chính xác?

.....

.....

Câu 9

a) Hãy đổi độ dài 1,2 m ra theo các đơn vị dm, cm, mm và km.

.....

.....

.....

b) Hãy đổi ra đơn vị m các độ dài: 15dm, 15 cm, 15 mm, 15 km.

.....

.....

.....

BÀI 5: ĐO KHỐI LƯỢNG

Câu 1. Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

- A. tấn. B . miligam. C. kiôgam. D. gam.

Câu 2. Trên vỏ một hộp bánh có ghi 500g, con số này có ý nghĩa gì?

- A. Khối lượng bánh trong hộp. B. Khối lượng cả bánh trong hộp và vỏ hộp,
C. Sức nặng của hộp bánh. D. Thể tích của hộp bánh.

Câu 3. Trước một chiếc cầu có một biển báo giao thông ghi 10T (hình vẽ), con số 10T này có ý nghĩa gì?

- A. Xe có trên 10 người ngồi thì không được đi qua cầu.
B. Khối lượng toàn bộ (của cả xe và hàng) trên 10 tấn thì không được đi qua cầu.



- C. Khối lượng của xe trên 100 tấn thì không được đi qua cầu.
D. Xe có khối lượng trên 10 tạ thì không được đi qua cầu.

Câu 4. Cân một túi hoa quả, kết quả là 14 533g. Độ chia nhỏ nhất của cân đã dùng là

- A. 1g. B. 5g. C. 10g. D. 100 g.

Câu 5. Một hộp quả cân có các quả cân loại 2g, 5g, 10g, 50g, 200g, 200mg, 500g, 500mg. Để cân một vật có khối lượng 257,5g thì có thể sử dụng các quả cân nào?

- A, 200 g 200 mg, 50 g, 5 g, 50 g. B. 2g, 5g, 50g, 200g, 500 mg.
C. 2g, 5g, 10g, 200g, 500g. D. 2g, 5 g, 10g, 200 mg, 500 mg.

Câu 6. Có 20 túi đường, ban đầu mỗi túi có khối lượng 1kg, sau đó người ta cho thêm mỗi túi 2 lạng đường nữa. Khối lượng của 20 túi đường khi đó là bao nhiêu?

- A. 24 kg. B. 20 kg 10 lạng. C 22kg. D. 20 kg 20 lạng.

Câu 7. Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

- a) Mọi vật đều có
b) Người ta dùng để đo khối lượng.
c)... là khối lượng của một quả cân mẫu đặt ở viện đo lường quốc tế Pháp.

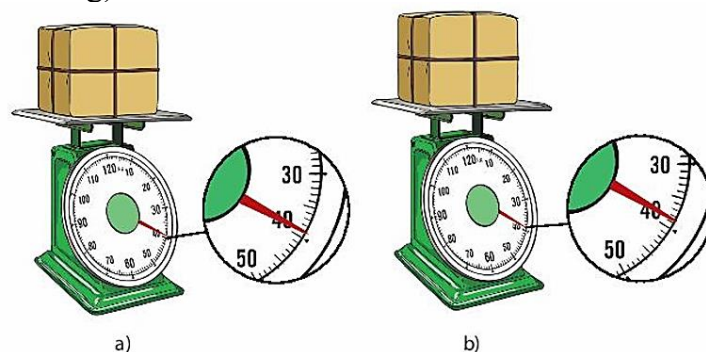
Câu 8. Làm thế nào để lấy 1 kg gạo từ một bao đựng 10 kg gạo khi trên bàn chỉ có một cân đĩa và một quả cân 4 kg.

.....

.....
.....
Câu 9. Có một cái cân đồng hồ đã cũ và không còn chính xác. Làm thế nào có thể cân chính xác khối lượng của một vật nếu cho phép dùng thêm hộp quả cân

.....
.....
.....
.....

Câu 10. Hãy cho biết khối lượng mỗi thùng hàng trong hình 5.6 là bao nhiêu? (Biết ĐCNN của cân này là 1kg)



▲ Hình 5.6. Đọc kết quả đo khối lượng

.....
.....

BÀI 6: ĐO THỜI GIAN

Câu 1. Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là:

- A. Tuần. B. Ngày. C. Giây. D. Giờ.

Câu 2. Khi đo nhiều lần thời gian chuyển động của một viên bi trên mặt phẳng nghiêng mà thu được nhiều giá trị khác nhau, thì giá trị nào sau đây được lấy làm kết quả của phép đo?

- A. Giá trị của lần đo cuối cùng.
B. Giá trị trung bình của giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất,
C. Giá trị trung bình của tất cả các giá trị đo được.
D. Giá trị được lặp lại nhiều lần nhất.

Câu 3. Trước khi đo thời gian của một hoạt động, ta thường ước lượng khoảng thời gian của hoạt động đó để:

- A. Lựa chọn đồng hồ đo phù hợp. B. Đặt mắt đúng cách.
C. Đọc kết quả đo chính xác. D. Hiệu chỉnh đồng hồ đúng cách.

Câu 4. Cho các bước đo thời gian của một hoạt động gồm:

- (1) Đặt mắt nhìn đúng cách.
- (2) Ước lượng thời gian hoạt động cần đo để chọn đồng hồ thích hợp.
- (3) Hiệu chỉnh đồng hồ đo đúng cách.
- (4) Đọc, ghi kết quả đo đúng quy định.

(5) Thực hiện phép đo thời gian.

Thứ tự đúng các bước thực hiện để đo thời gian của một hoạt động là:

- A. (1), (2), (3), (4), (5). B. (3),(2),(5),(4),(1).
C. (2), (3), (1), (5), (4). D. (2), (1), (3), (5) (4).

Câu 5. Dụng cụ đo thời gian là?

- A. Cân. B. Thước. C. Đồng hồ. D. Lực kế.

Câu 6. Bao nhiêu năm sẽ có một năm nhuận ?

- A. 6 năm. B. 5 năm. C. 4 năm. D. 3 năm.

Câu 7. Một năm không nhuận có bao nhiêu ngày ?

- A. 363 ngày. B. 364 ngày. C. 365 ngày. D. 366 ngày.

Câu 8. Nguyên nhân nào sau đây gây ra sai số khi đo thời gian của một hoạt động?

- A. Không hiệu chỉnh đồng hồ. B. Đặt mắt nhìn lệch.
C. Đọc kết quả chậm. D. Cả 3 nguyên nhân trên.

Câu 9. Để đo thời gian của vận động viên chạy 100m, loại đồng hồ thích hợp nhất là:

- A. Đồng hồ để bàn. B. Đồng hồ bấm giây.
C. Đồng hồ treo tường. D. Đồng hồ cát.

Câu 10. Một thế kỉ bằng bao nhiêu năm ?

- A. 10 năm. B. 100 năm. C. 150 năm. D. 200 năm.

Câu 11. Khi đo thời gian chạy 100m của bạn Nguyên trong giờ thể dục, em sẽ đo khoảng thời gian:

- A. Từ lúc bạn Nguyên lấy đà chạy tới lúc về đích.
B. Từ lúc có lệnh xuất phát tới lúc về đích.
C. Bạn Nguyên chạy 50m rồi nhân đôi.
D. Bạn Nguyên chạy 200m rồi chia đôi.

Câu 12. Để đo khoảng thời gian mà xe chạy từ huyện A sang huyện B nên sử dụng loại đồng hồ nào là phù hợp:

- A. Đồng hồ đeo tay. B. đồng hồ cát
C. Đồng hồ bấm giây. D. Đồng hồ nước.

Câu 13. Bốn tuần lễ có bao nhiêu ngày ?

- A. 27 ngày. B. 28 ngày. C. 29 ngày. D. 30 ngày.

Câu 14. Để lựa chọn loại đồng hồ phù hợp bạn Nam đã ước lượng khoảng thời gian đi từ bục giảng xuống cuối lớp học là:

- A. 40 giây. B. 120 giây. C. 300 giây. D. 500 giây.

Câu 15. Một năm nhuận có bao nhiêu ngày ?

- A. 363 ngày. B. 364 ngày. C. 365 ngày. D. 366 ngày.

Câu 16. Em hãy sử dụng từ, cụm từ (đồng hồ, vuông góc, số 0, gần nhất) điền vào chỗ trống:

Khi sử dụng đồng hồ để đo thời gian của một hoạt động cần lưu ý:

- a) Hiệu chỉnh đồng hồ về vạch(1)..... trước khi đo.
b) Đặt mắt nhìn theo hướng (2)..... với mặt đồng hồ.
c) Đọc và ghi kết quả đo theo vạch chia (3)..... với đầu kim của(4).....

Câu 17. Cho các loại đồng hồ sau:

- a) Đồng hồ để bàn.
- b) Đồng hồ bấm giây.
- c) Đồng hồ cát.
- d) Đồng hồ điện tử.
- e) Đồng hồ treo tường.

Để đo số lần chuyển động của con lắc A trong 15 giây, nhóm bạn An nên sử dụng loại đồng hồ nào cho phù hợp?

Câu 18. Đơn vị đo thời gian chính thức trong hệ thống đo lường của nước ta là giờ (h).

A. Đúng.

B. Sai.

Câu 19. Lựa chọn đồng hồ phù hợp với việc đo thời gian của các hoạt động sau:

Các loại đồng hồ	Đồng hồ bấm giây	Đồng hồ để bàn
Hoạt động		
Hát bài "Đội ca"		
Chạy 800m		
Đun sôi ấm nước		

Câu 20. Em hãy nối các hoạt động ở cột A với loại đồng hồ ở cột B.

A		B
1) Trước khi đo thời gian ta cần ước lượng khoảng thời gian để		a) Đồng hồ treo tường
2) Một tiết học		b) Đồng hồ bấm giây
3) Chạy 50 m		c) Chọn đồng hồ thích hợp
		d) Đọc kết quả chính xác.

BÀI 7: THANG NHIỆT ĐỘ CELSIUS. ĐO NHIỆT ĐỘ

Câu 1. Hình 1 là loại dụng cụ dùng để đo:



Hình 1: Nhiệt kế thủy ngân

A. Đo thời gian B. Đo khối lượng C. Đo chiều dài D. Đo nhiệt độ

Câu 2. Dụng cụ để đo nhiệt độ gọi là:

A. Lực kế B. Cốc chia độ C. Nhiệt kế D. Cân Roberval

Câu 3. Nhiệt độ thấp nhất ghi trên nhiệt kế hình 1 là:

A. 35°C B. 37°C C. 40°C D. 42°C

Câu 4. Nhiệt độ cao nhất ghi trên nhiệt kế trên hình 1 là:

A. 35°C B. 37°C C. 40°C D. 42°C

Câu 5. Nhiệt kế trên hình 1 có giới hạn đo từ:

A. 35°C - 37°C

B. 35°C - 42°C

C. 40°C - 42°C

D. 37°C - 42°C

Câu 6. Giới hạn đo nhỏ nhất ghi trên nhiệt kế trên hình 1 là:

A. 0,1°C

B. 0,2°C

C. 0,5°C

D. 1°C

Câu 7. Nhiệt độ được ghi màu đỏ trên hình 1 là:

A. Nhiệt độ trung bình của nhiệt kế

B. Nhiệt độ của cơ thể người bình thường

C. Nhiệt độ trung bình của rượu

D. Cả A và B đều đúng

Câu 8. Nhiệt kế trên hình 1 được cấu tạo gồm:

A. Bầu đựng chất lỏng

B. Ống quản

C. Thang chia độ

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 9. Chất lỏng được sử dụng trong nhiệt kế ở hình 1 là:

A. Nước

B. Rượu

C. Thủy ngân

D. Giấm ăn

Câu 10. Đơn vị đo nhiệt độ trong hệ SI là gì?

A. °F

B. °C

C. Kelvin (kí hiệu K)

D. °F và °C

Câu 11. Đơn vị đo nhiệt độ thường dùng ở Việt Nam là gì?

A. °F

B. °C

C. Kelvin (kí hiệu K)

D. °F và °C

Câu 12. Nguyên tắc nào dưới đây được sử dụng để chế tạo nhiệt kế thường dùng:

A. Dẫn nở vì nhiệt của chất lỏng

B. Dẫn nở vì nhiệt của chất khí

C. Thay đổi màu sắc của vật theo nhiệt độ

D. Hiện tượng nóng chảy của các chất

Câu 13. Phát biểu nào sau đây không đúng?

A. Chất lỏng co lại khi lạnh đi

B. Độ dẫn nở vì nhiệt của các chất lỏng khác nhau là như nhau

C. Khi nhiệt độ thay đổi thì thể tích chất lỏng thay đổi

D. Chất lỏng nở ra khi nóng lên

Câu 14. Nhiệt kế thủy ngân không thể đo nhiệt độ nào trong các nhiệt độ sau?

A. Nhiệt độ của nước đá

B. Nhiệt độ cơ thể người

C. Nhiệt độ khí quyển

D. Nhiệt độ của một lò luyện kim

Câu 15. Cho các bước như sau:

(1) Thực hiện phép đo nhiệt độ

(2) Ước lượng nhiệt độ của vật

(3) Hiệu chỉnh nhiệt kế

(4) Lựa chọn nhiệt kế phù hợp

(5) Đọc và ghi kết quả đo

Các bước đúng khi thực hiện đo nhiệt độ của một vật là:

A. (2), (4), (3), (1), (5)

B. (1), (4), (2), (3), (5)

C. (1), (2), (3), (4), (5)

D. (3), (2), (4), (1), (5)

Câu 16. Dung nói rằng, khi sử dụng nhiệt kế thủy ngân phải chú ý bốn điểm sau:

A. Giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của nhiệt kế

B. Không cầm vào bầu nhiệt kế để đo nhiệt độ

C. Hiệu chỉnh về vạch số 0

D. Cho bầu nhiệt kế tiếp xúc với vật cần đo nhiệt độ

Dung đã nói **sai** ở điểm nào?

.....

Câu 17. Bảng dưới đây ghi tên các loại nhiệt kế và nhiệt độ ghi trên thang đo của chúng

Loại nhiệt kế	Thang nhiệt độ
Thủy ngân	Từ -10°C đến 110°C
Rượu	Từ -30°C đến 60°C
Y tế	Từ 34°C đến 42°C
Nhiệt kế kim loại	Từ 0°C đến 400°C

An muốn đo nhiệt độ của nước đang sôi thì cần sử dụng loại nhiệt kế nào?

A. Thủy ngân **B.** Rượu **C.** Y tế **D.** Nhiệt kế kim loại

Câu 18. Người ta chọn thủy ngân và rượu để chế tạo nhiệt kế vì

A. Chúng có nhiệt độ nóng chảy cao. **B.** Nhiệt độ nóng chảy thấp
C. Nhiệt độ đông đặc cao. **D.** Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 19. Trong thang nhiệt độ Farenhai, nhiệt độ của nước đang sôi là bao nhiêu? Biết rằng nước sôi ở 100°C .

A. 32°F **B.** 100°F **C.** 212°F **D.** 0°F

Câu 20. Trong thang nhiệt độ Farenhai, nhiệt độ của người khi bình thường là bao nhiêu? Biết rằng nhiệt độ của người bình thường là 37°C .

A. 37°F **B.** $66,6^{\circ}\text{F}$ **C.** 310°F **D.** $98,6^{\circ}\text{F}$

Câu 21. An nói rằng: “Khi mượn nhiệt kế y tế của người khác cần phải nhúng nước sôi để sát trùng rồi hãy dùng” Nói như thế có đúng không?

.....

Câu 22. Bản tin dự báo thời tiết nhiệt độ của một số vùng như sau:

- Hà Nội: Nhiệt độ từ 19°C đến 28°C .

- Nghệ An: Nhiệt độ từ 20°C đến 29°C .

Nhiệt độ trên tương ứng với nhiệt độ nào trong nhiệt giai Kelvin?

.....

